

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày 11 - 01 - 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN YÊN, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Minh Nhân;

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/11/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 - 12 - 2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 30/TB-TA ngày 26/12/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị L, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn 5, xã Minh Quán, huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Đào Trung V, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn 5, xã Minh Quán, huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05-9-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Lan trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Đào Trung V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Quán, huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái vào ngày 22-9-2000 (Giấy đăng ký số: 18/2000 ngày 22-9-2000). Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi chung sống tại thôn 5, xã Minh Quán, huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái. Chị Phạm Thị L xác định vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc hai năm đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V gia trưởng, thường xuyên chửi bới, xúc phạm tới chị và gia đình bên

ngoại, vợ chồng anh chị không có tiếng nói chung về kinh tế gia đình. Chị L đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ 09-2023 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Trấn Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh Đào Trung V.

Về con chung: Chị và anh Đào Trung V có hai con chung là Đào Việt Anh, sinh ngày 14-7-2001 và cháu Đào Trung Hiếu, sinh ngày 24-5-2007. Cháu Đào Việt Anh đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đào Trung H, yêu cầu anh Đào Trung V cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 19-10-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đào Trung V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh công nhận lời trình bày của nguyên đơn chị Phạm Thị L về thời gian, địa điểm kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Quán, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái vào ngày 22-9-2000 (Giấy đăng ký số: 18/2000 ngày 22-9-2000). Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên hay xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn của anh chị cũng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thể hàn gắn được. Chị L đã tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ sống, anh cũng đã ly thân từ tháng 9/2023 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Đến nay anh thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị L vẫn còn, chị L làm đơn ly hôn anh không đồng ý. Đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh quay về đoàn tụ. Tuy nhiên, anh xác nhận thực tế anh chị đã không còn chung sống cùng nhau, anh cũng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng vì con chung nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Phạm Thị L có 02 con chung là Đào Việt Anh, sinh ngày 14-7-2001 và cháu Đào Trung Hiếu, sinh ngày 24-5-2007. Cháu Đào Việt Anh đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cháu Đào Trung Hiếu, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh xác định anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn chị Phạm Thị L có đơn xin ly hôn với anh Đào Trung V, nơi cư trú: Thôn 5, xã Minh Quán, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Tại phiên tòa, bị đơn anh Đào Trung V được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị L và anh Đào Trung V có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Minh Quán, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái vào ngày 22-9-2000 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Theo anh chị thì vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên hay xảy ra cãi vã. Vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không cải thiện được và anh, chị đã sống ly thân từ tháng 9-2023 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay chị Phạm Thị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Trấn Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh V. Tuy nhiên, anh Đào Trung V xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nhưng vì con anh không đồng ý ly hôn. Anh V xác nhận anh không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng anh không đồng ý ly hôn với chị L.

Hội đồng xét xử xét thấy, anh V xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, vì con mà anh không đồng ý ly hôn là lý do không chính đáng. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị L và anh Đào Trung V ngày càng trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Đào Trung V theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung:* Chị Phạm Thị L và anh Đào Trung V có hai con chung là Đào Việt Anh, sinh ngày 14-7-2001 và cháu Đào Trung Hiếu, sinh ngày 24-5-2007. Cháu Đào Việt Anh đã trưởng thành chị L và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, chị Lan có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, giáo dục cháu Đào Trung Hiếu cho đến khi cháu Hiếu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác, chị L yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Anh Đào Trung V cũng có nguyện vọng nuôi cháu Đào Trung Hiếu, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, nguyện vọng được nuôi con của các bên đương sự đều là chính đáng, tuy nhiên cháu Đào Trung Hiếu có nguyện vọng được ở với mẹ, theo nguyện

vọng của cháu Hiếu và để đảm bảo sự ổn định và phát triển về mọi mặt của con, căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình, cần giao cháu Đào Trung Hiếu cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh V cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Hiếu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

[2.3] *Về tài sản và nợ chung*: Chị Phạm Thị L và anh Đào Trung V đều xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét giải quyết về tài sản và nợ chung.

[3] *Về án phí*: Chị Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh Đào Trung V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L được ly hôn anh Đào Trung V.

2. Về con chung: Giao cháu Đào Trung Hiếu, sinh ngày 24-5-2007 cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh Đào Trung V cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 02 năm 2024 cho đến khi cháu Hiếu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị L có đơn yêu cầu thi hành án mà anh V chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa xong nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ, thì hàng tháng anh V còn phải trả thêm cho chị L khoản tiền lãi của số tiền cấp dưỡng chậm trả với mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng tại Biên lai số AA/2022/0001962 ngày 05/10/2023 của Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Trấn Yên. Anh Đào Trung V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trấn Yên;
- Chi cục THADS huyện Trấn Yên;
- UBND xã Minh Quán;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh